

Số: 2916/QĐ-ĐHCT

Cần Thơ, ngày 9 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v tặng Giấy khen sinh viên tốt nghiệp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ ban hành kèm theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng Trường; Nghị quyết số 31/NQ-HĐT, ngày 29/06/2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 29/NQ-HĐT ngày 19/05/2020;

Căn cứ Quy định về công tác học vụ dành cho sinh viên trình độ đại học hệ chính quy, ban hành kèm theo Quyết định số 1813/QĐ-ĐHCT, ngày 18/06/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ;

Theo đề nghị của Trưởng khoa Sư phạm và Trưởng phòng Công tác Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

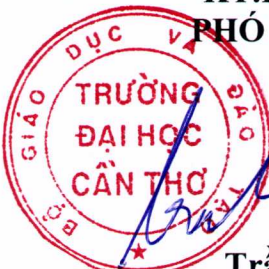
Điều 1. Nay tặng Giấy khen cho 92 sinh viên khóa 44 có tên sau đây thuộc Khoa Sư phạm Trường Đại học Cần Thơ đạt thành tích sinh viên tốt nghiệp Xuất sắc, sinh viên tốt nghiệp Giỏi toàn khóa học 2018 - 2022:

(Danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Trưởng phòng: Công tác Sinh viên, Tài chính, Đào tạo; Trưởng khoa Sư phạm và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu VT, CTSV. *✓*

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Trung Tính
Trần Trung Tính

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC TẶNG GIẤY KHEN
(Kèm theo Quyết định số 2916/QĐ-ĐHCT, ngày 09/08/2022 của Hiệu trưởng)

STT	Mã số SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Ngành	Chuyên ngành	Khóa	Điểm TB	XLHT	Điểm RL	XLRL	Ghi chú
1	B1811401	Khuru Thị Tuyết Nhi	11/11/2000	N	Giáo dục Tiểu học		44	3,6	Xuất sắc	82	Tốt	
2	B1811396	Huỳnh Thị Trúc Ly	06/04/2000	N	Giáo dục Tiểu học		44	3,59	Giỏi	85	Tốt	
3	B1811403	Phạm Thị Nhi	24/12/1999	N	Giáo dục Tiểu học		44	3,58	Giỏi	86	Tốt	
4	B1811400	Trương Khánh Nguyên	27/04/2000	N	Giáo dục Tiểu học		44	3,58	Giỏi	83	Tốt	
5	B1811409	Neáng Sây	11/03/1999	N	Giáo dục Tiểu học		44	3,56	Giỏi	87	Tốt	
6	B1811390	Phạm Thị Thanh Hằng	30/05/2000	N	Giáo dục Tiểu học		44	3,55	Giỏi	90	Xuất sắc	
7	B1811393	Phạm Hà Kiều Khanh	19/05/2000	N	Giáo dục Tiểu học		44	3,55	Giỏi	84	Tốt	
8	B1811397	Phạm Hồng Mơ	19/12/2000	N	Giáo dục Tiểu học		44	3,53	Giỏi	92	Xuất sắc	
9	C2000109	Nguyễn Thanh Hân	05/09/1999	N	Giáo dục Tiểu học		46	3,52	Giỏi	80	Tốt	Liên thông từ CD lên ĐH
10	B1811418	Nguyễn Thị Bích Tuyền	19/05/2000	N	Giáo dục Tiểu học		44	3,49	Giỏi	81	Tốt	
11	B1811394	Đoàn Mỹ Linh	13/04/2000	N	Giáo dục Tiểu học		44	3,49	Giỏi	80	Tốt	
12	B1811406	Phạm Hoàng Oanh	16/09/2000	N	Giáo dục Tiểu học		44	3,49	Giỏi	80	Tốt	
13	B1811386	Hồ Kim Chi	17/07/2000	N	Giáo dục Tiểu học		44	3,48	Giỏi	82	Tốt	
14	B1811388	Nguyễn Đỗ Khánh Dung	12/06/1999	N	Giáo dục Tiểu học		44	3,47	Giỏi	84	Tốt	
15	B1811408	Neàng Kim Sa	13/12/2000	N	Giáo dục Tiểu học		44	3,47	Giỏi	83	Tốt	
16	B1811417	Liêu Tố Trinh	14/04/2000	N	Giáo dục Tiểu học		44	3,47	Giỏi	80	Tốt	
17	B1811391	Kiên Thị Hồng Huệ	24/10/2000	N	Giáo dục Tiểu học		44	3,42	Giỏi	84	Tốt	
18	B1811404	Phạm Thị Bình Nhi	21/07/2000	N	Giáo dục Tiểu học		44	3,41	Giỏi	86	Tốt	
19	B1811407	Đỗ Thị Thanh Quyên	12/10/2000	N	Giáo dục Tiểu học		44	3,38	Giỏi	81	Tốt	
20	B1811415	Võ Thị Thủy Tiên	16/09/2000	N	Giáo dục Tiểu học		44	3,36	Giỏi	80	Tốt	
21	B1811399	Kim Thị Ngọc Nguyên	10/06/2000	N	Giáo dục Tiểu học		44	3,32	Giỏi	88	Tốt	
22	B1811389	Nguyễn Thị Thu Hà	20/08/2000	N	Giáo dục Tiểu học		44	3,26	Giỏi	83	Tốt	
23	B1811387	Neáng Dane	01/01/2000	N	Giáo dục Tiểu học		44	3,25	Giỏi	83	Tốt	
24	B1811402	Ong Yến Nhi	14/09/2000	N	Giáo dục Tiểu học		44	3,22	Giỏi	80	Tốt	
25	B1801044	Trần Nguyễn Thanh Thanh	19/09/2000	N	Sư phạm Địa lý		44	3,51	Giỏi	92	Xuất sắc	
26	B1801035	Lê Minh Hiếu	01/03/2000		Sư phạm Địa lý		44	3,49	Giỏi	83	Tốt	
27	B1801037	Nguyễn Tường Lam	13/01/2000	N	Sư phạm Địa lý		44	3,38	Giỏi	93	Xuất sắc	
28	B1801045	Lê Kha Vĩ Thái	28/07/2000		Sư phạm Địa lý		44	3,37	Giỏi	84	Tốt	
29	B1801034	Huỳnh Văn Hận	13/07/1999		Sư phạm Địa lý		44	3,32	Giỏi	93	Xuất sắc	
30	B1801041	Đinh Thoại Yến Nhi	24/06/2000	N	Sư phạm Địa lý		44	3,31	Giỏi	97	Xuất sắc	
31	B1801039	Mai Chí Luân	23/11/1998		Sư phạm Địa lý		44	3,26	Giỏi	82	Tốt	
32	B1801030	Mai Thành Đạt	17/04/2000		Sư phạm Địa lý		44	3,25	Giỏi	89	Tốt	

STT	Mã số SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Ngành	Chuyên ngành	Khóa	Điểm TB	XLHT	Điểm RL	XLRL	Ghi chú
33	B1800640	Nguyễn Minh Thy	01/08/2000	N	Sư phạm Hóa học		44	3,7	Xuất sắc	93	Xuất sắc	
34	B1800619	Trần Ngọc Trang Anh	10/10/2000	N	Sư phạm Hóa học		44	3,65	Xuất sắc	86	Tốt	
35	B1800631	Võ Thị Tuyết Ngân	18/10/2000	N	Sư phạm Hóa học		44	3,25	Giỏi	82	Tốt	
36	B1800639	Bùi Thanh Thế	27/08/2000		Sư phạm Hóa học		44	3,24	Giỏi	86	Tốt	
37	B1801084	Nguyễn Ngọc Huyền	21/03/2000	N	Sư phạm Lịch sử		44	3,62	Xuất sắc	88	Tốt	
38	B1801082	Nguyễn Ngọc Hân	20/12/2000	N	Sư phạm Lịch sử		44	3,53	Giỏi	85	Tốt	
39	B1801095	Trần Thị Huế Như	23/10/2000	N	Sư phạm Lịch sử		44	3,52	Giỏi	94	Xuất sắc	
40	B1801096	Phạm Thúy Oanh	19/09/2000	N	Sư phạm Lịch sử		44	3,47	Giỏi	93	Xuất sắc	
41	B1801103	Nguyễn Ngọc Thúy Vy	17/04/2000	N	Sư phạm Lịch sử		44	3,47	Giỏi	88	Tốt	
42	B1801097	Phạm Hà Phương	21/03/1998	N	Sư phạm Lịch sử		44	3,41	Giỏi	84	Tốt	
43	B1801102	Bùi Thị Vi	09/11/2000	N	Sư phạm Lịch sử		44	3,38	Giỏi	85	Tốt	
44	B1801093	Lê Minh Nhật	08/09/1996		Sư phạm Lịch sử		44	3,37	Giỏi	92	Xuất sắc	
45	B1801080	Lê Thị Hồng Diệu	07/11/2000	N	Sư phạm Lịch sử		44	3,32	Giỏi	80	Tốt	
46	B1801077	Đoàn Hải Bằng	29/04/2000		Sư phạm Lịch sử		44	3,26	Giỏi	89	Tốt	
47	B1801073	Trần Minh Trâm	06/11/2000	N	Sư phạm Ngữ văn		44	3,77	Xuất sắc	97	Xuất sắc	
48	B1801068	Lê Minh Thi	18/04/2000		Sư phạm Ngữ văn		44	3,77	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
49	B1801076	Nguyễn Thị Như Ý	20/03/2000	N	Sư phạm Ngữ văn		44	3,69	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
50	B1801054	Nguyễn Thị Bích Dung	20/03/2000	N	Sư phạm Ngữ văn		44	3,63	Xuất sắc	86	Tốt	
51	B1801057	Nguyễn Thị Ngọc Hân	02/12/2000	N	Sư phạm Ngữ văn		44	3,62	Xuất sắc	95	Xuất sắc	
52	B1801072	Ngô Bảo Tín	08/12/2000		Sư phạm Ngữ văn		44	3,59	Giỏi	95	Xuất sắc	
53	B1801056	Trần Phát Đạt	03/06/2000		Sư phạm Ngữ văn		44	3,56	Giỏi	85	Tốt	
54	B1801063	Nguyễn Thị Yến Nhi	07/09/2000	N	Sư phạm Ngữ văn		44	3,53	Giỏi	84	Tốt	
55	B1801069	Trần Diễm Thi	12/06/1999	N	Sư phạm Ngữ văn		44	3,47	Giỏi	86	Tốt	
56	B1801062	Huỳnh Như Ngọc	26/11/1999	N	Sư phạm Ngữ văn		44	3,46	Giỏi	88	Tốt	
57	B1801070	Đặng Anh Thư	29/10/2000	N	Sư phạm Ngữ văn		44	3,46	Giỏi	88	Tốt	
58	B1801061	Võ Ngọc Ngân	22/03/2000	N	Sư phạm Ngữ văn		44	3,45	Giỏi	84	Tốt	
59	B1801058	Nguyễn Hồng Hù	01/01/1999		Sư phạm Ngữ văn		44	3,36	Giỏi	86	Tốt	
60	B1801075	Nguyễn Ngọc Cát Tường	26/09/2000	N	Sư phạm Ngữ văn		44	3,28	Giỏi	83	Tốt	
61	B1800665	Nguyễn Quyền Trân	22/01/2000	N	Sư phạm Sinh học		44	3,56	Giỏi	99	Xuất sắc	
62	B1800657	Lâm Vĩ Nhã	29/03/2000	N	Sư phạm Sinh học		44	3,46	Giỏi	90	Xuất sắc	
63	B1800650	Nguyễn Phúc Hậu	05/09/2000		Sư phạm Sinh học		44	3,25	Giỏi	93	Xuất sắc	
64	B1800663	Trương Ngọc Anh Thư	20/08/2000	N	Sư phạm Sinh học		44	3,25	Giỏi	83	Tốt	
65	B1800659	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	02/01/2000	N	Sư phạm Sinh học		44	3,24	Giỏi	89	Tốt	
66	B1808285	Huỳnh Trọng Nguyễn	29/01/2000		Sư phạm Tin học		44	3,52	Giỏi	88	Tốt	
67	B1808290	Nguyễn Đức Tài	24/04/1999		Sư phạm Tin học		44	3,25	Giỏi	94	Xuất sắc	
68	B1808271	Đặng Đức Anh	30/04/2000		Sư phạm Tin học		44	3,25	Giỏi	86	Tốt	

STT	Mã số SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Ngành	Chuyên ngành	Khóa	Điểm TB	XLHT	Điểm RL	XLRL	Ghi chú
69	B1808279	Võ Linh Kha	21/08/2000		Sư phạm Tin học		44	3,2	Giỏi	86	Tốt	
70	B1800220	Đoàn Hữu Hiệu	31/07/2000		Sư phạm Toán học		44	3,87	Xuất sắc	84	Tốt	
71	B1800231	Nguyễn Thị Trúc Phương	27/11/2000	N	Sư phạm Toán học		44	3,78	Xuất sắc	100	Xuất sắc	
72	B1800214	Chiêm Hải Đăng	21/02/2000		Sư phạm Toán học		44	3,74	Xuất sắc	100	Xuất sắc	
73	B1800225	Mai Đình Lộc	11/08/2000		Sư phạm Toán học		44	3,74	Xuất sắc	88	Tốt	
74	B1800211	Đinh Thế Bảo	01/06/2000		Sư phạm Toán học		44	3,73	Xuất sắc	85	Tốt	
75	B1800218	Nguyễn Bửu Hậu	20/11/2000		Sư phạm Toán học		44	3,61	Xuất sắc	99	Xuất sắc	
76	B1800227	Trần Hiếu My	08/08/2000	N	Sư phạm Toán học		44	3,44	Giỏi	94	Xuất sắc	
77	B1800232	Huỳnh Ngọc Thùy Trang	09/08/2000	N	Sư phạm Toán học		44	3,44	Giỏi	83	Tốt	
78	B1800221	Tăng Thị Kha	23/02/2000	N	Sư phạm Toán học		44	3,41	Giỏi	86	Tốt	
79	B1800216	Lưu Huệ Hạnh	10/08/2000	N	Sư phạm Toán học		44	3,4	Giỏi	81	Tốt	
80	B1800194	Lê Hiền Anh Thư	10/10/2000	N	Sư phạm Toán học		44	3,39	Giỏi	84	Tốt	
81	B1800195	Trần Thị Phương Trúc	11/10/2000	N	Sư phạm Toán học		44	3,32	Giỏi	87	Tốt	
82	B1800219	Trần Lê Ngọc Hiếu	06/09/2000	N	Sư phạm Toán học		44	3,28	Giỏi	84	Tốt	
83	B1800229	Võ Trúc Ngân	12/12/2000	N	Sư phạm Toán học		44	3,26	Giỏi	82	Tốt	
84	C1900251	Nguyễn Thị Bích Ngân	23/01/1998	N	Sư phạm Toán học		45	3,26	Giỏi	82	Tốt	Liên thông từ CD lên ĐH
85	C1900253	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	26/04/1996	N	Sư phạm Toán học		45	3,24	Giỏi	83	Tốt	Liên thông từ CD lên ĐH
86	B1800234	Nguyễn Phúc Ân	02/02/2000		Sư phạm Vật lý		44	3,69	Xuất sắc	94	Xuất sắc	
87	B1800242	Huỳnh Mỹ Linh	26/12/2000	N	Sư phạm Vật lý		44	3,65	Xuất sắc	87	Tốt	
88	B1800196	Nguyễn Việt Thuận	24/01/2000		Sư phạm Vật lý		44	3,54	Giỏi	86	Tốt	
89	B1800249	Phạm Yến Nhi	20/07/2000	N	Sư phạm Vật lý		44	3,52	Giỏi	94	Xuất sắc	
90	B1800236	Phạm Ngọc Duy	20/08/2000		Sư phạm Vật lý		44	3,47	Giỏi	84	Tốt	
91	B1800248	Dương Trọng Nhân	15/10/1999		Sư phạm Vật lý		44	3,45	Giỏi	94	Xuất sắc	
92	B1800256	Đinh Thị Quỳnh Thi	04/03/2000	N	Sư phạm Vật lý		44	3,3	Giỏi	86	Tốt	

Tổng số theo danh sách có **92** sinh viên./.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ



Trần Trung Tinh